



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN

PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2017	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến cuối Quý 2 năm 2017	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017	05 - 31

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.910.656.468.874	1.694.385.120.628
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	277.981.209.342	275.038.871.574
111	1. Tiền		254.981.209.342	275.038.871.574
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		618.876.281.023	403.007.456.048
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	412.804.680.533	264.936.988.222
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	120.337.597.236	83.441.911.133
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	88.314.838.439	56.945.275.688
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(2.580.835.185)	(2.316.718.995)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.007.229.559.031	979.222.979.136
141	1. Hàng tồn kho		1.007.229.559.031	979.222.979.136
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.569.419.478	37.115.813.870
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.115.043.797	36.661.438.189
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	454.375.681	454.375.681
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		503.144.344.418	508.818.017.133
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.032.315.546	4.032.315.546
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	4.032.315.546	4.032.315.546
220	II. Tài sản cố định		356.293.027.223	368.059.804.511
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	131.775.893.577	141.607.574.100
222	- Nguyên giá		272.965.444.906	275.120.294.572
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(141.189.551.329)	(133.512.720.472)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	23.244.503.201	25.157.137.721
225	- Nguyên giá		37.817.079.422	37.817.079.422
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.572.576.221)	(12.659.941.701)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	201.272.630.445	201.295.092.690
228	- Nguyên giá		201.864.934.308	201.864.934.308
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(592.303.863)	(569.841.618)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		18.369.702.014	12.276.597.441
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	18.369.702.014	12.276.597.441
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	124.449.299.635	124.449.299.635
251	1. Đầu tư vào công ty con		115.937.211.500	115.937.211.500
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.149.830.736)	(3.149.830.736)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.413.800.813.292	2.203.203.137.761

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.553.752.896.851	1.436.234.988.037
310	I. Nợ ngắn hạn		1.547.761.373.782	1.430.243.464.968
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	85.562.430.274	152.231.183.191
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	433.049.400	7.735.848.750
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	130.228.467.870	130.517.240.613
314	4. Phải trả người lao động		6.997.164.683	13.145.698.265
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	48.536.367.870	73.414.870.843
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	18.492.140.016	15.917.932.782
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	1.248.534.881.304	1.036.603.585.386
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	8.976.872.365	677.105.138
330	II. Nợ dài hạn		5.991.523.069	5.991.523.069
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	5.991.523.069	5.991.523.069
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		860.047.916.441	766.968.149.724
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	860.047.916.441	766.968.149.724
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
411b	- Có phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		86.300.250.779	51.552.084.653
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.145.220.457	10.145.220.457
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		191.922.515.205	133.590.914.614
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.792.400.221	16.272.459.776
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		169.130.114.984	117.318.454.838
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.413.800.813.292	2.203.203.137.761

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Tổng Giám Đốc

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TÂN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2017

DVT: VND

Mã Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.173.842.315.569	1.220.700.442.880	1.912.271.772.531	1.801.215.114.405
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	11.737.212.000	11.350.674.000	15.293.212.000	13.107.674.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.162.105.103.569	1.209.349.768.880	1.896.978.560.531	1.788.107.440.405
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	964.242.161.316	1.039.716.134.801	1.585.060.036.013	1.542.308.168.502
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		197.862.942.253	169.633.634.079	311.918.524.518	245.799.271.903
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	42.768.085.852	10.853.584.465	43.754.210.492	11.415.815.963
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	16.002.111.062	15.775.982.370	29.520.515.857	28.298.439.277
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		15.549.742.618	14.671.239.263	29.059.823.030	26.911.771.015
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	64.921.936.292	63.163.146.337	94.142.122.783	87.678.917.150
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	18.964.427.645	15.434.734.786	31.677.136.028	26.630.343.793
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		140.742.553.106	86.113.355.051	200.332.960.342	114.607.387.646
31	11. Thu nhập khác	VI.8	55.174.159	128.074.850	481.379.169	1.979.110.614
32	12. Chi phí khác	VI.9	9.047.434	1.450.225.830	11.213.781	1.452.909.689
40	13. Lợi nhuận khác		46.126.725	(1.322.150.980)	470.165.388	526.200.925
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		140.788.679.831	84.791.204.071	200.803.125.730	115.133.588.571
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		19.670.121.566	15.020.240.814	31.673.010.746	21.088.717.714
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		121.118.558.265	69.770.963.257	169.130.114.984	94.044.870.857

Người lập biểu

TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng

TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06/2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		200.803.125.730	115.133.588.571
	2. Điều chỉnh cho các khoản		41.346.370.309	29.957.318.784
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		12.646.377.288	12.497.699.311
03	- Các khoản dự phòng		264.116.190	237.848.458
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.084.639.026)	(9.690.000.000)
06	- Chi phí lãi vay		29.520.515.857	26.911.771.015
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		242.149.496.039	145.090.907.355
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(207.624.618.773)	(230.248.919.818)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.006.579.895)	283.750.767.929
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(101.026.857.793)	72.884.398.651
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	15.963.759
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	(26.477.259.545)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(29.520.515.857)	(20.092.622.760)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.367.726.039)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(10.582.588.040)	(15.105.642.278)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(165.979.390.358)	209.817.593.293
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(6.972.704.573)	(26.711.425.541)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		369.090.909	158.479.850
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.753.620.117	9.690.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.150.006.453	(16.862.945.691)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.490.400.562.680	1.192.123.409.149
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.278.469.266.762)	(1.351.688.560.939)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(3.388.788.465)	(3.244.836.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(55.770.785.780)	(37.027.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		152.771.721.673	(162.847.014.990)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		2.942.337.768	30.107.632.612
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		275.038.871.574	313.058.830.965
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	277.981.209.342	343.166.463.577

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN



LE QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Lợi nhuận sau thuế Quý 2, 2017 và 6 tháng đầu năm 2017 tăng lần lượt là 75% và 80% so với cùng kỳ năm trước do doanh thu 6 tháng tăng hơn 6% so với cùng kỳ đồng thời giá nguyên vật liệu đầu vào giảm và cổ tức nhận được từ các công ty con tăng so với cùng kỳ năm trước.

6. Cấu trúc Công ty*Các Công ty con*

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 535 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 557 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính này chỉ lập riêng cho công ty mẹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: phân bón các loại,...

Hàng hóa, thành phẩm của công ty là phân bón nguyên liệu và thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phí thương hiệu

Doanh thu phí thương hiệu được xác định với tỷ lệ 1,3% trên doanh thu bán ra sản phẩm thương hiệu đầu trâu của các công ty con.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.700 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.700 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.770 VND/USD.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.896.373.674	1.026.901.403
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	252.989.345.117	274.011.970.171
- Tiền đang chuyển	95.490.551	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	23.000.000.000	-
Cộng	<u>277.981.209.342</u>	<u>275.038.871.574</u>

(*) Là khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<i>51.934.663.840</i>	<i>52.854.500.098</i>
- Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	47.755.663.840	48.812.000.098
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	4.179.000.000	4.042.500.000
Phải thu các khách hàng khác	<i>360.870.016.693</i>	<i>212.082.488.124</i>
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	98.049.014.768	75.881.900.393
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	43.690.401.800	10.642.565.400
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	36.922.863.550	16.257.899.650
- Công ty TNHH Thương mại Thịnh Thành Đắc Lắc	25.665.001.778	13.373.107.778
- Công ty TNHH Thương mại Công Nguyên - Chi Nhánh Đắc Lắc	13.355.005.000	5.257.800.000
- Phải thu các khách hàng khác	143.187.729.797	90.669.214.903
Cộng	<u>412.804.680.533</u>	<u>264.936.988.222</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu là trả trước cho các lô hàng nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	120.337.597.236	83.441.911.133
- Công ty TNHH Young Inh (*)	107.011.911.745	75.015.463.822
- Công ty TNHH Tư vấn & Đầu tư Trung Việt	3.457.997.100	2.305.331.400
- Công Ty TNHH Cơ Khí Phúc Thạnh	1.263.672.000	1.352.032.000
- Công ty TNHH Tư Vấn Đầu tư và Xây Dựng Việt Thành	1.046.039.964	-
- Các nhà cung cấp khác	7.557.976.427	4.769.083.911
Cộng	120.337.597.236	83.441.911.133

(*) Là khoản trả trước nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	70.643.560.329	-	41.576.697.741	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình (phải thu phí thương hiệu, cổ tức)	27.782.094.193	-	12.017.428.565	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong (phải thu phí thương hiệu)	15.626.129.844	-	12.249.174.522	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng (phải thu phí thương hiệu)	13.906.906.292	-	9.023.844.350	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị (phải thu phí thương hiệu, cổ tức)	9.590.927.455	-	4.548.747.759	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	17.671.278.110	-	15.368.577.947	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	9.461.757.131	-	6.714.609.962	-
- Các khoản phải thu khác	8.209.520.979	-	8.653.967.985	-
Cộng	88.314.838.439	-	56.945.275.688	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan		-		-
Ký quỹ, ký cược	4.032.315.546	-	4.032.315.546	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.861.000	-	1.258.861.000	-
Cộng	4.032.315.546	-	4.032.315.546	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:*

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(2.316.718.995)	(2.370.775.906)
Trích lập dự phòng bổ sung	(334.116.190)	(262.110.958)
Hoàn nhập dự phòng	70.000.000	24.262.500
Số cuối kỳ	(2.580.835.185)	(2.316.718.995)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	864.428.629.804	-	778.694.492.822	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	25.807.200	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.143.238.141	-	27.148.796.480	-
Thành phẩm ⁽²⁾	120.336.429.682	-	170.032.621.230	-
Hàng hóa	3.321.261.404	-	3.321.261.404	-
Cộng	1.007.229.559.031	-	979.222.979.136	-

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...

(2) Thành phẩm là phân bón các loại.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	161.158.484.694	85.364.531.474	26.186.973.860	2.410.304.544	275.120.294.572
Tăng trong kỳ	-	12.437.182.962	-	419.641.450	12.856.824.412
- Tăng do mua mới	-	840.000.000	-	39.600.000	879.600.000
- Tăng khác ^(*)	-	11.597.182.962	-	380.041.450	11.977.224.412
Giảm trong kỳ	-	2.714.449.666	12.297.224.412	-	15.011.674.078
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	-	3.034.449.666
- Giảm khác ^(*)	-	-	11.977.224.412	-	11.977.224.412
Số cuối kỳ	161.158.484.694	95.087.264.770	13.889.749.448	2.829.945.994	272.965.444.906

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.345.245.355	30.038.410.669	5.887.459.288	1.262.523.813	38.533.639.125
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	58.099.617.835	56.486.334.783	17.364.470.553	1.562.297.301	133.512.720.472
Tăng trong kỳ	5.422.779.252	12.417.211.383	613.104.721	480.888.234	18.933.983.590
- Khấu hao trong kỳ	5.422.779.252	4.514.049.765	613.104.721	161.346.785	10.711.280.523
- Tăng khác (*)	-	7.903.161.618	-	319.541.449	8.222.703.067
Giảm trong kỳ	-	2.714.449.666	8.542.703.067	-	11.257.152.733
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	-	3.034.449.666
- Giảm khác (*)	-	-	8.222.703.067	-	8.222.703.067
Số cuối kỳ	63.522.397.087	66.189.096.500	9.434.872.207	2.043.185.535	141.189.551.329
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	103.058.866.859	28.878.196.691	8.822.503.307	848.007.243	141.607.574.100
Số cuối kỳ	97.636.087.607	28.898.168.270	4.454.877.241	786.760.459	131.775.893.577

(*) Tăng, giảm khác trong kỳ là khoản phân loại lại tài sản cố định hữu hình.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	12.490.073.334	315.072.007	12.659.941.701
Khấu hao trong kỳ	1.840.032.700	72.601.820	1.912.634.520
Số cuối kỳ	14.184.902.394	387.673.827	14.572.576.221
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.310.580.633	701.353.448	25.157.137.721
Số cuối kỳ	22.615.751.573	628.751.628	23.244.503.201

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất lâu dài ^(*)</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	201.311.157.308	553.777.000	201.864.934.308
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>201.311.157.308</u>	<u>553.777.000</u>	<u>201.864.934.308</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	195.000.000	195.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	222.000.000	347.841.618	569.841.618
Khấu hao trong kỳ	-	22.462.245	22.462.245
Số cuối kỳ	<u>222.000.000</u>	<u>370.303.863</u>	<u>592.303.863</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>201.089.157.308</u>	<u>205.935.382</u>	<u>201.295.092.690</u>
Số cuối kỳ	<u>201.089.157.308</u>	<u>183.473.137</u>	<u>201.272.630.445</u>

(*) Quyền sử dụng đất của công ty tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất số T00080/QSDD/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	12.276.597.441	517.533.353	-	72.000.000	12.722.130.794
- Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT	8.439.332.394	-	-	-	8.439.332.394
- Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An	299.049.921	132.380.353	-	-	431.430.274
- Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao	2.581.820.931	152.153.000	-	-	2.733.973.931
- Các công trình khác	956.394.195	233.000.000	-	72.000.000	1.117.394.195
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	5.647.571.220	-	-	5.647.571.220
Cộng	<u>12.276.597.441</u>	<u>6.165.104.573</u>	<u>-</u>	<u>72.000.000</u>	<u>18.369.702.014</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn các công ty con và các đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	115.937.211.500	115.937.211.500	-	115.937.211.500	115.937.211.500	-
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng ⁽²⁾	27.138.986.173	27.138.986.173	-	27.138.986.173	27.138.986.173	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong ⁽³⁾	16.147.753.280	16.147.753.280	-	16.147.753.280	16.147.753.280	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị ⁽⁴⁾	16.650.472.047	16.650.472.047	-	16.650.472.047	16.650.472.047	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình ⁽⁵⁾	51.000.000.000	51.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đồng Hà ⁽⁶⁾	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)
Cộng	127.599.130.371	124.449.299.635	(3.149.830.736)	127.599.130.371	124.449.299.635	(3.149.830.736)

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, với tỷ lệ góp vốn 100,00% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101383456 lần đầu ngày 17/06/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng, có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800606078 cấp lần đầu ngày 02/01/2009, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 07/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp với số vốn điều lệ 88.529.760.000 đồng.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000350 cấp lần đầu ngày 03/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng.

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị, có trụ sở chính đặt tại Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000160 cấp lần đầu ngày 31/10/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

- (5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, với tỷ lệ góp vốn 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700664419 lần đầu ngày 11/01/2013, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 21/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình với vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.
- (6) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(3.149.830.736)	(3.565.113.571)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>(3.149.830.736)</u>	<u>(3.565.113.571)</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An - Công ty con cung cấp dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu cho Công ty mẹ	12.500.000.000	8.950.000.000

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng - Công ty Mẹ thu phí thương hiệu	4.439.147.220	4.327.212.249
- Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	18.060.072.000	-
- Công ty mẹ bán hàng cho công ty con	10.149.000.000	-

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong - Công ty Mẹ bán hàng, gia công	27.831.750.000	18.048.975.000
- Công ty Mẹ thu phí thương hiệu	3.069.959.384	2.307.528.248
- Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	3.978.000.000	4.590.000.000
- Công ty Mẹ thu lãi chậm trả	-	704.012.000
- Công ty Mẹ mua hàng hóa	11.077.440.000	-

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị - Công ty Mẹ bán hàng, gia công	-	484.990.000
- Công ty Mẹ thu phí thương hiệu	3.025.884.958	2.625.944.965
- Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	6.120.000.000	-

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình - Công ty mẹ bán hàng cho công ty con	7.880.000.000	-
- Công ty Mẹ thu phí thương hiệu	5.709.868.312	6.821.731.292
- Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	14.280.000.000	5.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.170.000.000	1.702.640.000
- Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An	1.100.000.000	1.540.000.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền MêKong	70.000.000	162.640.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	84.392.430.274	150.528.543.191
- Công ty TNHH Đầu tư Tân Phát	18.044.752.800	41.721.702.200
- Công ty Cổ phần Vinacam	10.397.875.000	7.946.352.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch Hương Nam Việt	7.294.038.209	-
- Các nhà cung cấp khác	48.655.764.265	100.860.488.991
Cộng	85.562.430.274	152.231.183.191

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	433.049.400	7.735.848.750
- DNTN Thuận Phát	289.108.000	-
- DNTN Hưng Thạnh	-	5.005.626.000
- Các khách hàng khác	143.941.400	2.730.222.750
Cộng	433.049.400	7.735.848.750

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	51.740.001	454.375.681	8.579.455	(58.636.729)	1.682.727	454.375.681
- Thuế xuất khẩu	-	-	14.175.761.780	(14.175.761.780)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.857.802.609	-	31.673.010.746	(31.367.726.039)	15.163.087.316	-
- Thuế thu nhập cá nhân	920.077.348	-	1.626.216.015	(2.170.216.191)	376.077.172	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
Cộng	130.517.240.613	454.375.681	47.487.567.996	(47.776.340.739)	130.228.467.870	454.375.681

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	200.803.125.730	115.133.588.571
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(42.438.072.000)	(9.690.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(42.438.072.000)	(9.690.000.000)
+ <i>Cổ tức nhận được</i>	(42.438.072.000)	(9.690.000.000)
Thu nhập tính thuế	158.365.053.730	105.443.588.571
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	31.673.010.746	21.088.717.714
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.673.010.746	21.088.717.714

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong kỳ.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	15.293.212.000	29.655.705.000
- Trích trước chi phí khuyến mãi	200.000.000	29.780.257.000
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	13.673.931.000	6.667.519.000
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	9.826.746.364	2.326.746.364
- Trích trước chi phí chương trình du lịch hè	8.484.601.000	561.610.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.057.877.506	4.423.033.479
Cộng	48.536.367.870	73.414.870.843

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác cho các bên liên quan	2.787.279.715	990.869.715
- Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam	2.787.279.715	990.869.715
Phải trả khác các cá nhân, tổ chức khác	15.704.860.301	14.927.063.067
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	846.070.622	1.115.156.971
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.365.449.253	1.609.233.970
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.920.000.000	6.522.792.780
- Quỹ tiếp sức đến trường	944.360.420	944.360.420
- Quỹ người nghèo	1.081.735.403	1.203.626.292
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.547.244.603	3.531.892.634
Cộng	18.492.140.016	15.917.932.782

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.246.847.543.483	1.246.847.543.483	1.031.527.459.100	1.031.527.459.100
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây	-	-	6.171.804.777	6.171.804.777
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM ⁽¹⁾	375.889.735.697	375.889.735.697	288.210.573.853	288.210.573.853
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽²⁾	51.350.266.816	51.350.266.816	54.120.133.015	54.120.133.015
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp. HCM ⁽³⁾	26.236.000.000	26.236.000.000	44.123.379.330	44.123.379.330
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hàm Nghi ⁽⁴⁾	54.111.347.900	54.111.347.900	52.703.256.000	52.703.256.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé ⁽⁵⁾	91.964.326.868	91.964.326.868	105.147.277.815	105.147.277.815
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. HCM ⁽⁶⁾	394.523.468.115	394.523.468.115	320.524.433.186	320.524.433.186
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Phú Nhuận ⁽⁷⁾	6.753.530.100	6.753.530.100	18.201.928.308	18.201.928.308
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽⁸⁾	94.574.655.175	94.574.655.175	72.617.572.394	72.617.572.394
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam - Tp. HCM ⁽⁹⁾	90.855.164.400	90.855.164.400	47.555.197.660	47.555.197.660
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp. HCM ⁽¹⁰⁾	37.888.974.690	37.888.974.690	-	-
- Vay nhân viên công ty ⁽¹¹⁾	22.700.073.722	22.700.073.722	22.151.902.762	22.151.902.762
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.687.337.821	1.687.337.821	5.076.126.286	5.076.126.286
Cộng	1.248.534.881.304	1.248.534.881.304	1.036.603.585.386	1.036.603.585.386

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả	
			trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.009.375.556.338	1.489.852.391.720	(1.275.080.478.297)	1.224.147.469.761
Vay ngắn hạn các cá nhân	22.151.902.762	548.170.960	-	22.700.073.722
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.076.126.286	-	(3.388.788.465)	1.687.337.821
Cộng	1.036.603.585.386	1.490.400.562.680	(1.278.469.266.762)	1.248.534.881.304

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽¹⁾	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽²⁾	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107
Cộng	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069

⁽¹⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

⁽²⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	5.991.523.069	5.991.523.069
Trên 5 năm	-	-
Cộng	5.991.523.069	5.991.523.069

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Trả/Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	5.991.523.069	-	-	5.991.523.069
Cộng	5.991.523.069	-	-	5.991.523.069

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	677.105.138	8.062.942.107	(3.624.832.000)	5.115.215.245
- Quỹ phúc lợi	-	11.150.995.320	(7.289.338.200)	3.861.657.120
Cộng	677.105.138	19.213.937.427	(10.914.170.200)	8.976.872.365

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000
Cộng	100,00	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 571.679.930.000

Vốn điều lệ đã góp: 571.679.930.000

Vốn điều lệ còn phải góp: -**19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	571.679.930.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(57.167.993.000)	(142.920.000.000)

19d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000/Cp	10.000/Cp

19e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

19f. Phân phối lợi nhuận

- Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2016 ngày 25 tháng 04 năm 2017 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	57.167.993.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	34.748.166.126
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	18.882.355.267
Cộng		110.798.514.393

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	3.673.796,69	2.128.557,20
Euro (EUR)	67,30	72,80

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	1.887.137.139.178	1.779.164.238.834
- Doanh thu bao bì và vật tư	3.361.313.400	96.990.000
- Doanh thu hàng quà tặng	609.096.848	304.410.150
- Doanh thu gia công	3.651.941.457	5.332.519.530
- Phí thương hiệu	16.244.859.874	16.082.416.754
- Doanh thu khác	1.267.421.774	234.539.137
Cộng	1.912.271.772.531	1.801.215.114.405

1b. Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty chỉ có phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	7.880.000.000	55.098.521.292
- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	27.831.750.000	20.356.503.248
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	10.149.000.000	4.327.212.249
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	-	3.110.934.965
Cộng	45.860.750.000	82.893.171.754

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	15.293.212.000	13.107.674.000
Cộng	15.293.212.000	13.107.674.000

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.584.128.083.605	1.542.308.168.502
- Giá vốn hoạt động khác	931.952.408	-
Cộng	1.585.060.036.013	1.542.308.168.502

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi	575.418.891	364.999.772
- Cổ tức được chia	42.438.072.000	9.690.000.000
- Lãi bán hàng trả chậm	-	750.636.070
- Lãi chênh lệch tỷ giá	740.719.601	610.180.121
Cộng	<u>43.754.210.492</u>	<u>11.415.815.963</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay	29.059.823.030	26.911.771.015
- Chi phí lãi thuê tài chính	460.692.827	782.894.752
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	603.773.510
Cộng	<u>29.520.515.857</u>	<u>28.298.439.277</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	4.859.298.822	4.111.512.808
- Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị	51.622.021.699	32.784.591.911
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	14.343.836.785	11.223.917.000
- Chi phí hàng quà tặng	4.832.702.298	4.262.145.232
- Chi phí vận chuyển	7.311.849.273	6.259.920.076
- Chi phí mua ngoài	7.633.737.454	24.095.517.345
- Chi phí bằng tiền khác	3.538.676.452	4.941.312.778
Cộng	<u>94.142.122.783</u>	<u>87.678.917.150</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	11.292.696.188	11.592.229.049
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.915.613.784	562.717.594
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	898.823.284	-
- Thuế, phí và lệ phí	215.934.905	28.867.203
- Chi phí dự phòng	264.116.190	237.848.458
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.469.733.117	13.358.261.444
- Các chi phí khác	620.218.560	850.420.045
Cộng	<u>31.677.136.028</u>	<u>26.630.343.793</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thu nhập khác	481.379.169	1.979.110.614
Cộng	<u>481.379.169</u>	<u>1.979.110.614</u>

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí khác	11.213.781	1.452.909.689
Cộng	<u>11.213.781</u>	<u>1.452.909.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.339.998.220.161	1.344.475.873.381
- Chi phí nhân công	83.098.989.374	57.071.161.491
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.646.377.288	12.497.699.312
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.166.873.778	96.891.684.930
- Chi phí khác	6.554.559.891	4.985.089.036
Cộng	<u>1.597.465.020.492</u>	<u>1.515.921.508.150</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt ()*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương, thù lao và thưởng	2.853.465.000	4.381.603.334
Cộng	<u>2.853.465.000</u>	<u>4.381.603.334</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

• Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Mekong	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình	Là công ty con
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

• Giao dịch với các bên liên quan khác

- Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11.

- Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải không phải là công ty con:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tập đoàn Hòa chất Việt Nam (Công ty mẹ
65,00%)

Cổ tức

Cộng

	Kỳ này	Kỳ trước
	37.159.200.000	-
	37.159.200.000	-

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4, V.12, V.16.

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Kỳ này	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.520.150.373.503	376.828.187.028	1.896.978.560.531
- Giá vốn hàng bán	1.247.974.638.709	337.085.397.304	1.585.060.036.013
Lợi nhuận gộp	272.175.734.794	39.742.789.724	311.918.524.518
Kỳ trước	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.530.681.427.005	257.426.013.400	1.788.107.440.405
- Giá vốn hàng bán	1.319.532.325.462	221.915.507.762	1.541.447.833.224
Lợi nhuận gộp	211.149.101.543	35.510.505.638	246.659.607.181

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017.

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ năm tài chính

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	6.746.801.918	82.306.561.790	27.342.989.573	219.563.782.520	812.360.135.801
2. Tăng trong năm trước	95.279.930.000	-	30.435.661.372	10.145.220.457	231.654.440.838	367.515.252.667
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	231.654.440.838	231.654.440.838
- Tăng vốn	95.279.930.000	-	-	-	-	95.279.930.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	30.435.661.372	10.145.220.457	-	40.580.881.829
3. Giảm trong năm trước	-	(6.746.801.918)	(61.190.138.509)	(27.342.989.573)	(317.627.308.744)	(412.907.238.744)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(317.627.308.744)	(317.627.308.744)
- Giảm khác	-	(6.746.801.918)	(61.190.138.509)	(27.342.989.573)	-	(95.279.930.000)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	571.679.930.000	-	51.552.084.653	10.145.220.457	133.590.914.614	766.968.149.724
5. Tăng trong kỳ	-	-	34.748.166.126	-	169.130.114.984	203.878.281.110
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	169.130.114.984	169.130.114.984
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	34.748.166.126	-	-	34.748.166.126
6. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(110.798.514.393)	(110.798.514.393)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(57.167.993.000)	(57.167.993.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(34.748.166.126)	(34.748.166.126)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.882.355.267)	(18.882.355.267)
7. Số dư cuối kỳ	571.679.930.000	-	86.300.250.779	10.145.220.457	191.922.515.205	860.047.916.441

Người lập biểu


TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng


TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

**LÊ QUỐC PHONG**